

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2024
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ.

2. Ông Cầm Văn Tổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu Tr, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Xuân D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26/6/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu Tr trình bày:

Tôi (Phạm Thị Thu Tr) và anh Dương Xuân D kết hôn với nhau ngày 05 tháng 8 năm 2020. Khi kết hôn chúng tôi đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống cùng với bố mẹ chồng tại bản C, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc

đến tháng 4 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng không thành, đến tháng 4 năm 2021 tôi đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống, chúng tôi sống ly thân nhau từ tháng 04 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của tôi được ly hôn với anh Dương Xuân D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 28/02/2021. Hiện cháu đang sống cùng tôi tại Tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng A cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tôi chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Hiện nay tôi đang bán mỹ phẩm, thu nhập khoảng 10.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Dương Xuân D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Dương Xuân D, nhưng anh D không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chi T xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn Dương Xuân D đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Thu Tr được ly hôn với anh Dương Xuân D.
2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 28/02/2021 cho chị Phạm Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
Anh Dương Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trang, do chị Trang chưa yêu cầu.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Xuân D có địa chỉ bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Xuân D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu Tr và anh Dương Xuân D có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như chị Phạm Thị Thu Tr trình bày là đúng.

Xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị Tr và anh D là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Tr và anh D đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị Tr ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Dương Hoàng A, sinh ngày 28/02/2021. Chị Tr có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tr, anh D có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Chị Tr, anh D có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. HĐXX xét thấy hiện nay cháu Dương Hoàng Anh đang sống cùng chị Tr tại Tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Hoàng A, cũng như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, chí tuệ, và không nên xáo trộn môi trường và hoàn cảnh sống của cháu Dương Hoàng A, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu Tr. Giao cháu Dương Hoàng A cho chị Phạm Thị Thu Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu Tr xác định chị và anh Dương Xuân D không có tài sản chung và vay nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Phạm Thị Thu Tr được ly hôn với anh Dương Xuân D.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 28/02/2021 cho chị Phạm Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr, do chị Tr chưa yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002015 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Phạm Thị Thu Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/8/2024.

Anh Dương Xuân D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND phường C, thành phố S (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên